CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

Ngày 31/12/2024	17,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	19.7%	**13.3%**	**15.6%**

DT thuần
Q4/24
329
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.0| -7.1%
YoY: ▼61.0| -15.7%

LN thuần
Q4/24
5.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.75| 110%
YoY: ▲ 7.19| 368%

LN sau thuế
Q4/24
5.72
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.63| 173%
YoY: ▲ 6.72| 672%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
2.6%
YoY: +/-▼ 0.1%

ROE
2024
4.0%
YoY: +/-▲ 2.5%

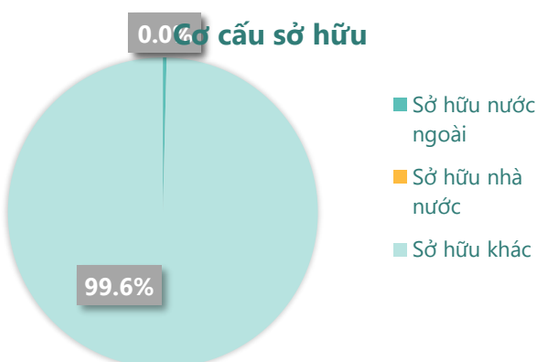
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,820 - 17,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	257
Số lượng CPLH (CP)	15,092,326
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,216
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	(1.03)
EPS	663
P/E	25.6

DT thuần
2024
1,298
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 61.0| 5.0%

LN thuần
2024
10.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.10| 146%

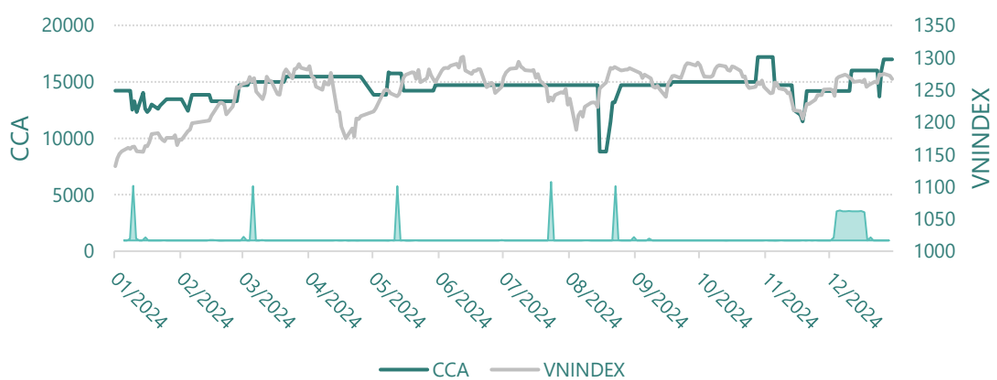
LN sau thuế
2024
10.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.29| 169%

Cơ cấu sở hữu

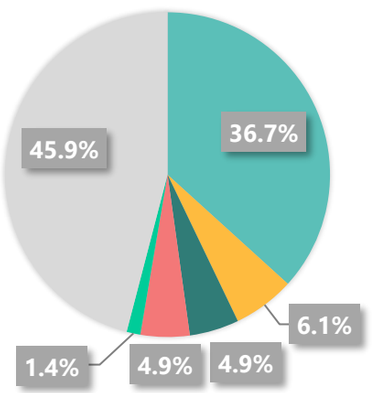


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



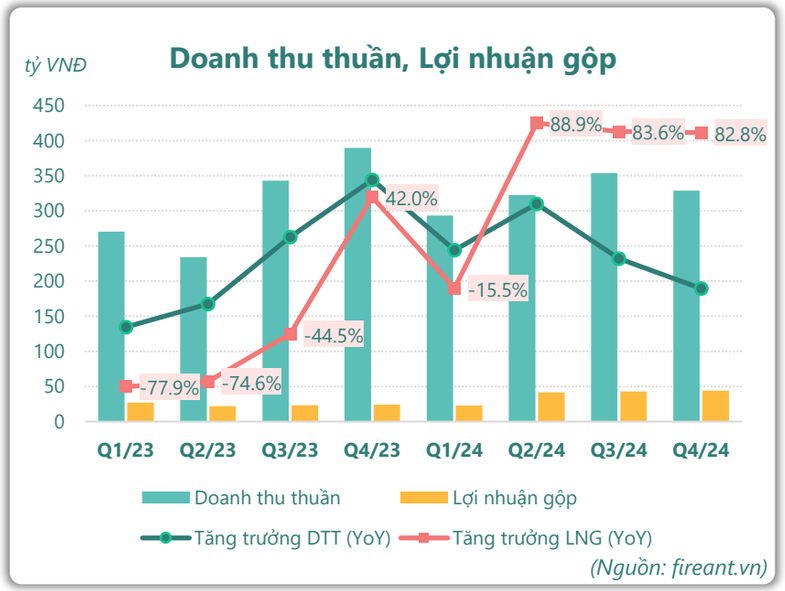
Cơ cấu cổ đông

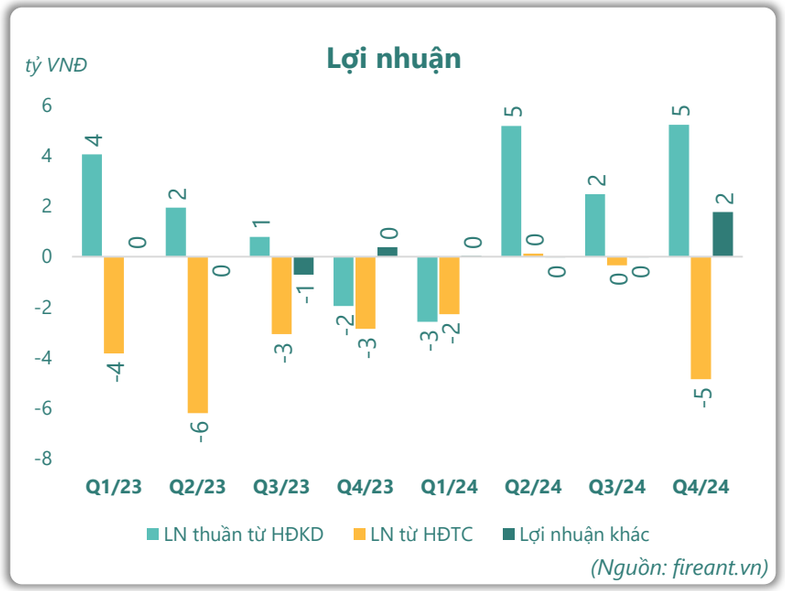


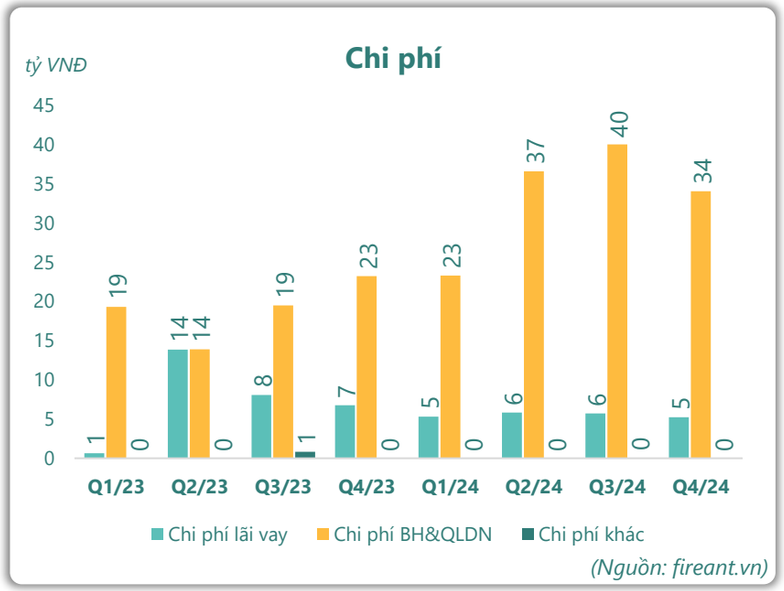
- Võ Đông Đức (Tổng giám đốc)
- Tăng Phước Thắng
- Nguyễn Thị Thanh Vân
- Nguyễn Trường Sơn
- Võ Thị Kiều Dung
- Khác

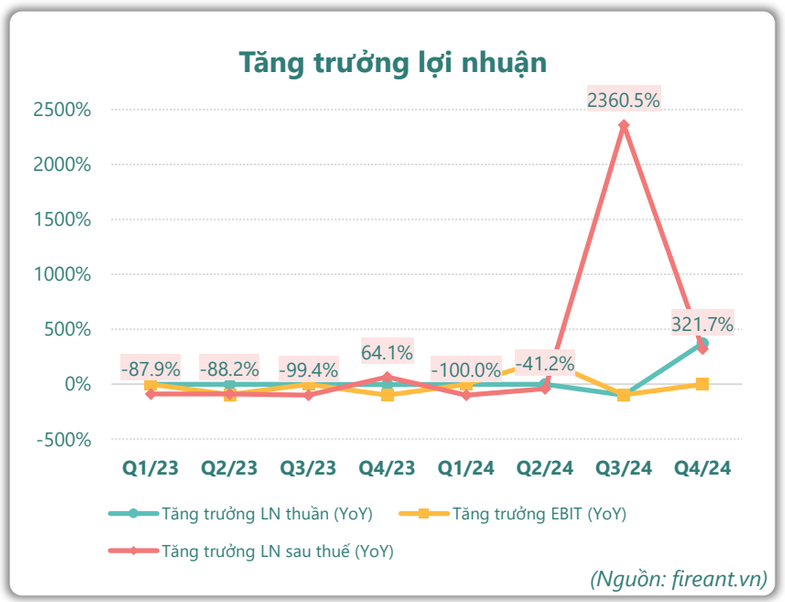
(Nguồn: fireant.vn)

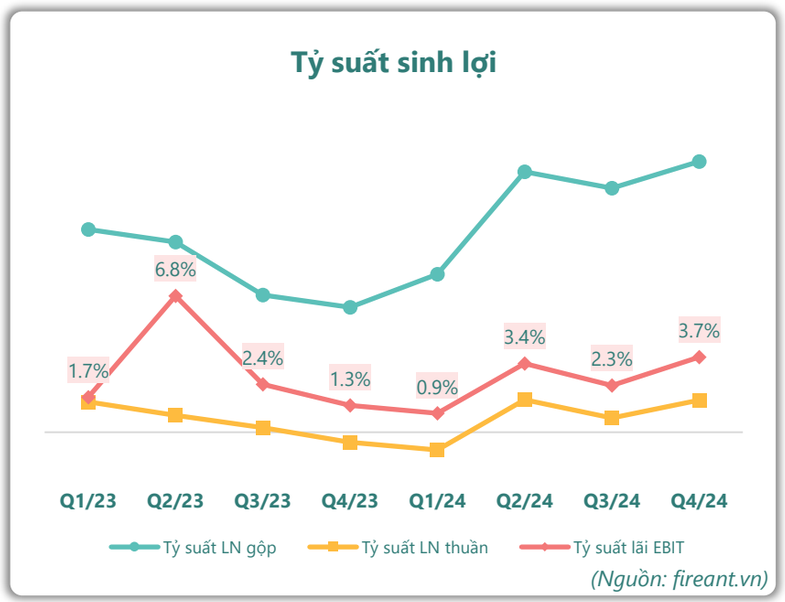
KẾT QUẢ KINH DOANH

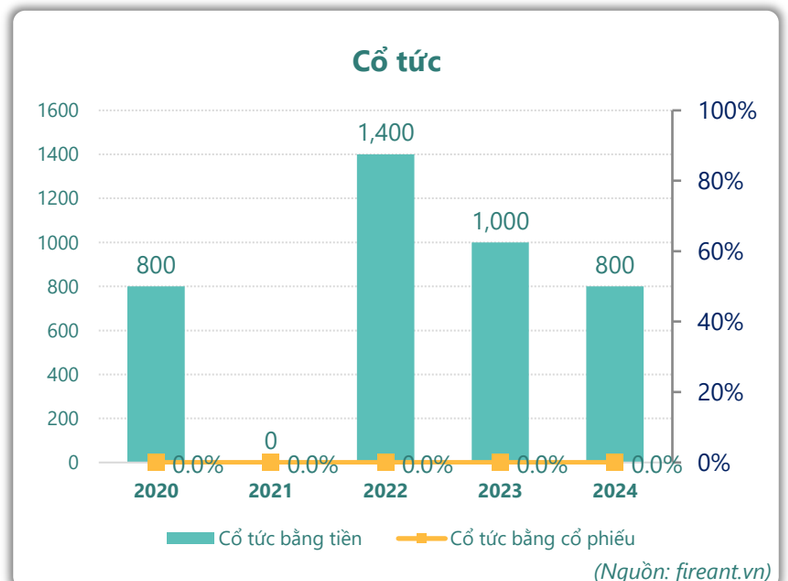






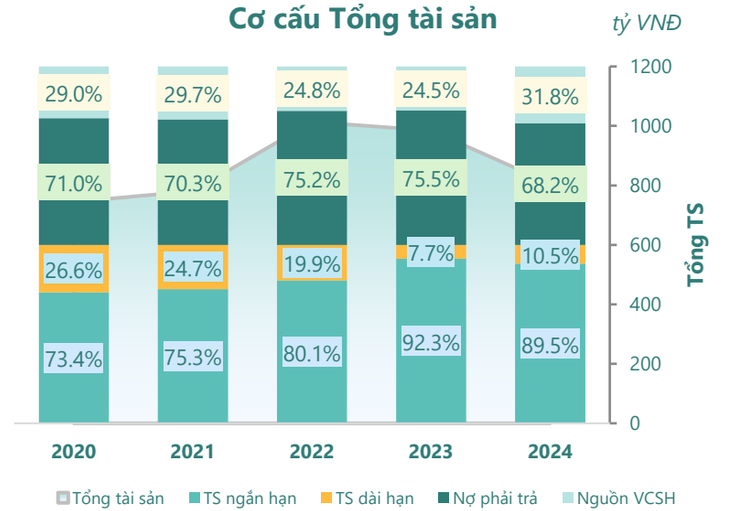






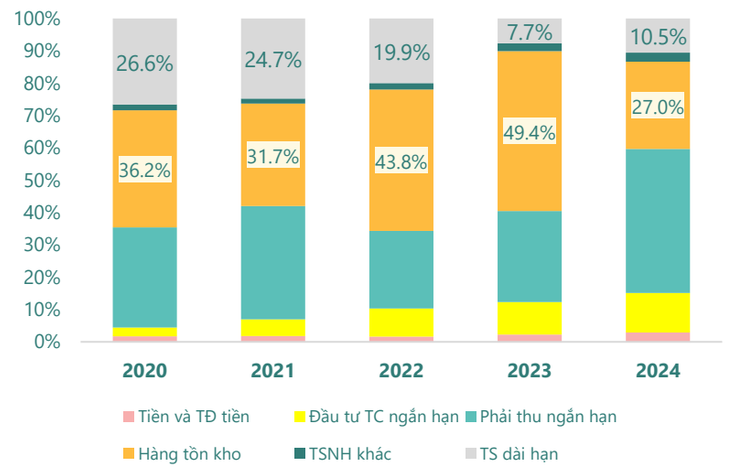
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



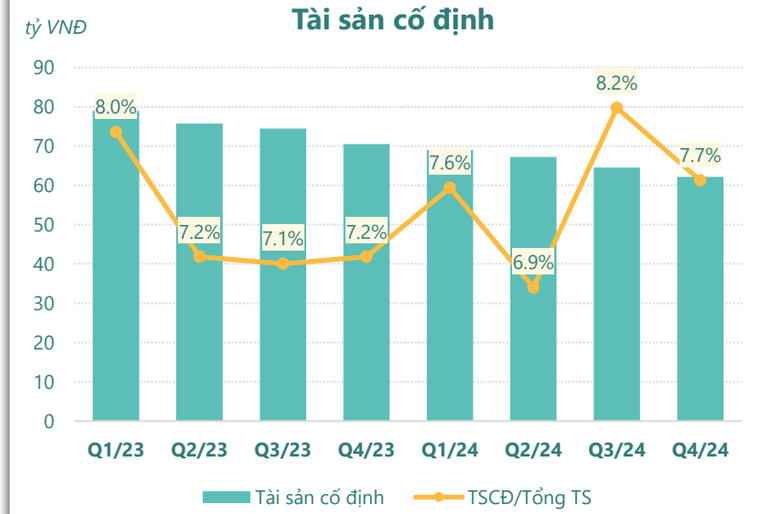
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



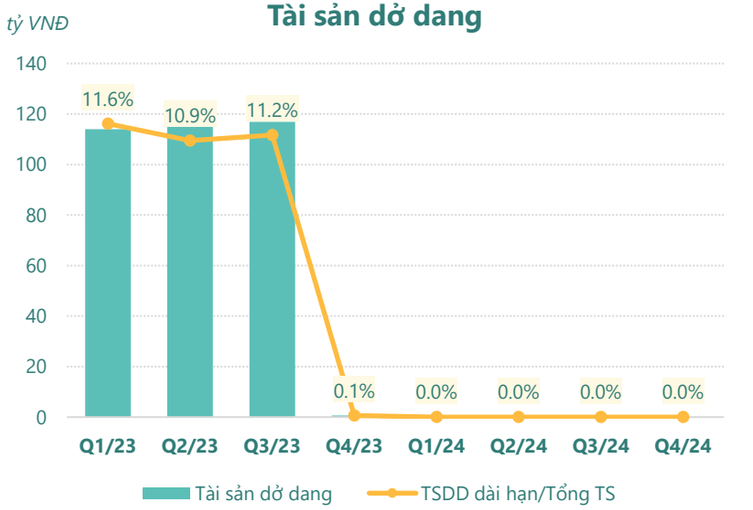
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



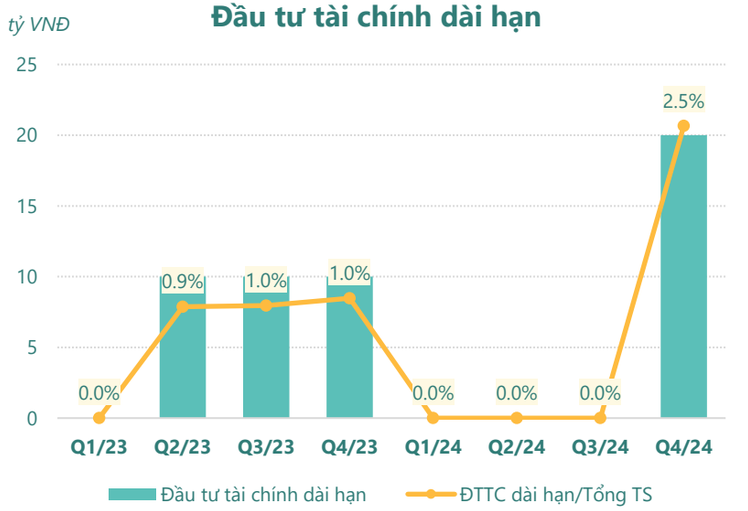
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



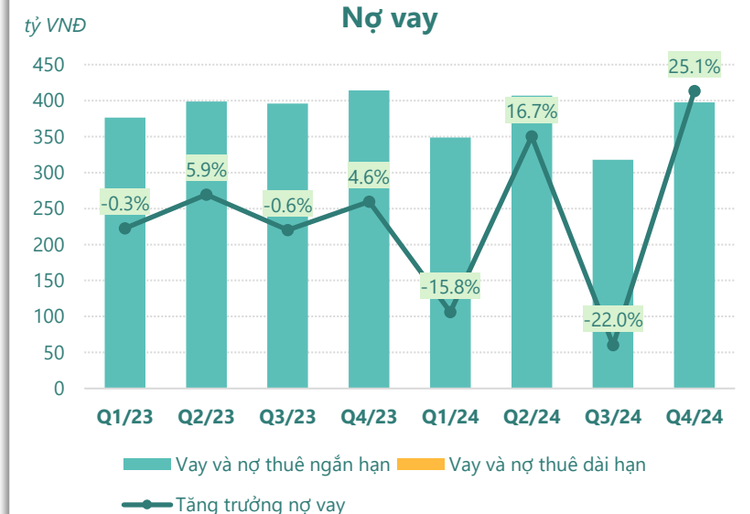
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

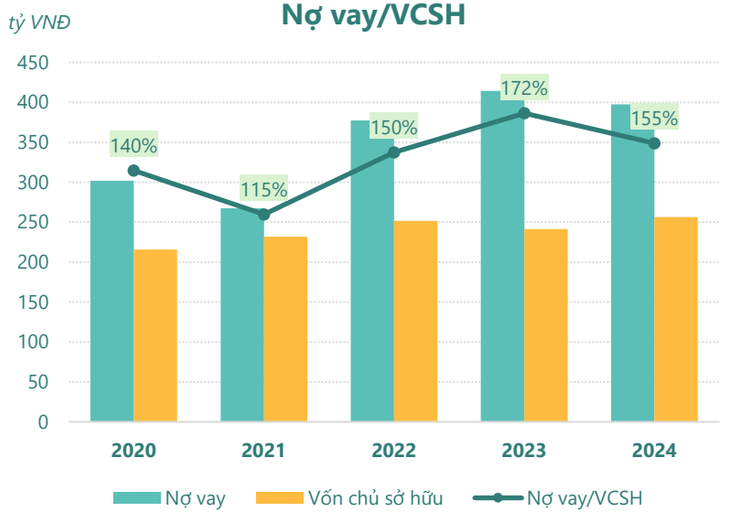
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

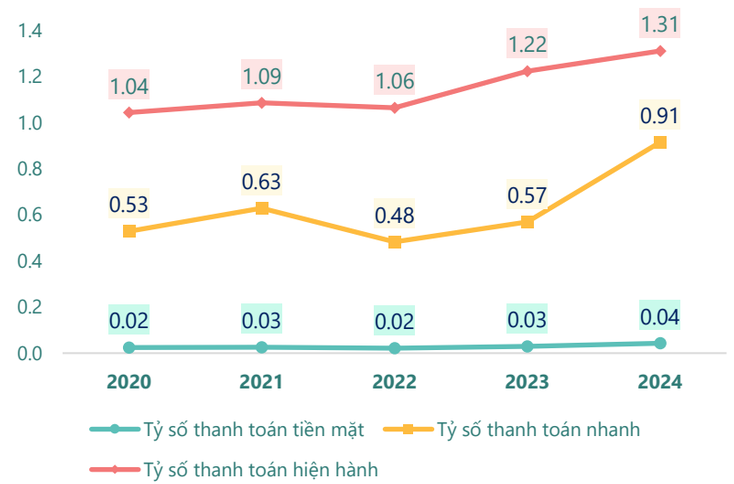
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



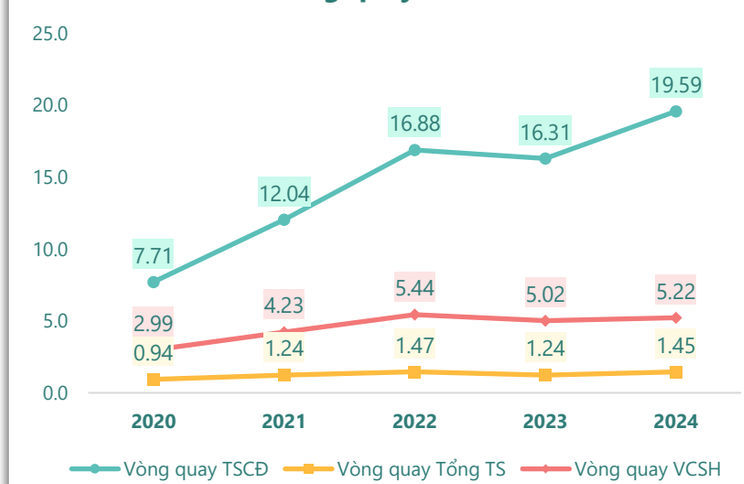
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



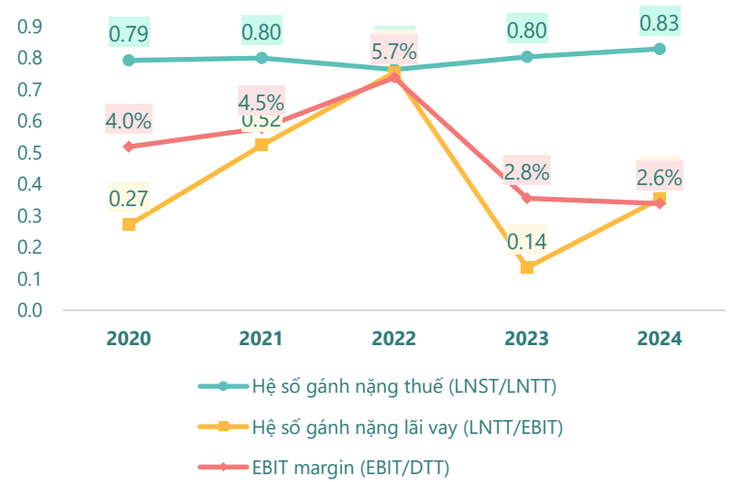
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



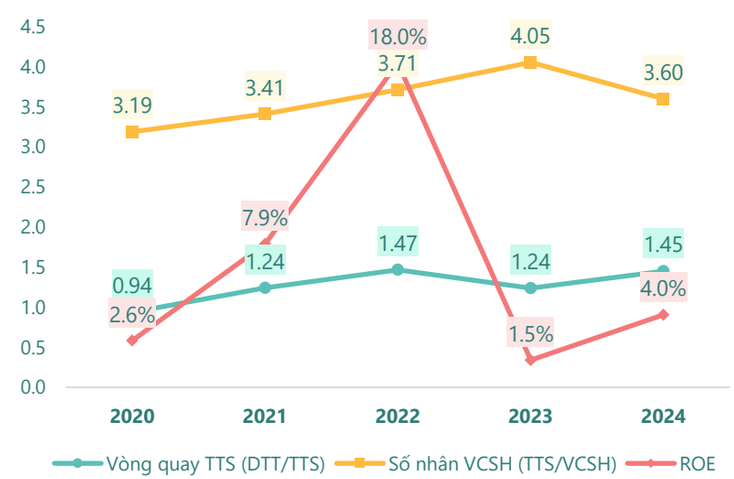
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



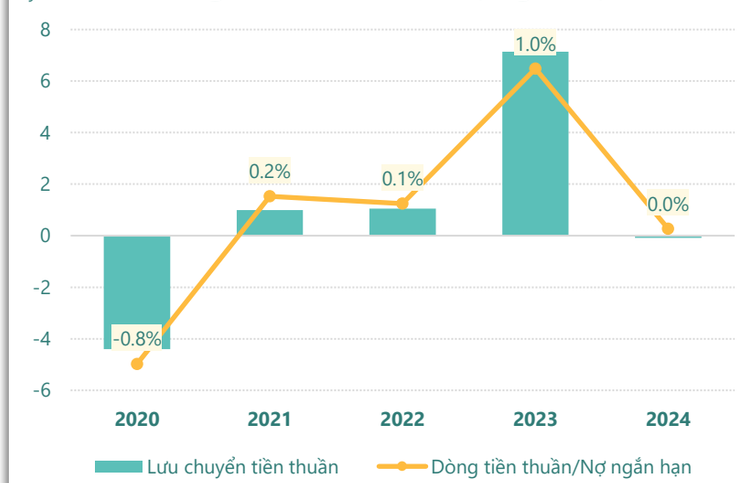
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**329**	**390**	**-15.7%**	**1,298**	**1,237**	**5.0%**
Giá vốn hàng bán	285	366	-22.3%	1,147	1,141	0.5%
Lợi nhuận gộp	44.1	24.2	82.4%	152	96.0	58.1%
Doanh thu HĐTC	0.38	4.66	-91.8%	15.0	16.2	-7.7%
Chi phí TC	5.24	7.52	-30.3%	22.3	32.1	-30.4%
Chi phí lãi vay	5.24	6.78	-22.7%	22.1	29.6	-25.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	32.7	21.7	50.8%	129	69.8	84.8%
Chi phí QLDN	**1.32**	**1.51**	**-12.4%**	**5.09**	**6.12**	**-16.8%**
LN thuần từ HĐKD	5.24	-1.95	368%	10.3	4.20	146%
Lợi nhuận khác	**1.77**	**0.37**	**378%**	**1.74**	**0.41**	**320%**
LN trước thuế	7.00	-1.58	543%	12.1	4.62	161%
Lợi nhuận sau thuế	**5.72**	**-1.00**	**672%**	**10.0**	**3.71**	**169%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.72**	**-1.00**	**672%**	**10.0**	**3.71**	**169%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.97	-25.6	65.4	-80.8	96.5	-51.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.03	2.39	6.84	-6.51	7.47	-18.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.41	14.0	-63.2	68.5	-100	76.6
Tiền đầu kỳ	23.1	30.7	22.3	31.3	13.3	17.0
Lưu chuyển tiền thuần	**7.60**	**-9.24**	**8.99**	**-18.8**	**3.65**	**6.08**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.83	0	0.85	0	0.50
Tiền cuối kỳ	30.7	22.3	31.3	13.3	17.0	23.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**807**	**984**	**-18.1%**
Tài sản ngắn hạn	721	909	-20.6%
Tiền và tương đương tiền	23.6	22.3	5.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	98.5	98.5	0.0%
Phải thu ngắn hạn	359	277	29.3%
Hàng tồn kho	218	486	-55.2%
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	24.3	-6.7%
Tài sản dài hạn	**85.1**	**75.6**	**12.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	62.1	70.5	-11.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.63	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.95**	**4.53**	**-35.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	550	743	-25.9%
Nợ ngắn hạn	**550**	**743**	**-25.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	397	414	-4.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	46.4	181	-74.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**256**	**241**	**6.2%**
Vốn chủ sở hữu	**256**	**241**	**6.2%**
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)